

Số: 3789/QĐ-ĐHNH

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận tốt nghiệp đối với sinh viên hệ đại học chính quy
tiếng Anh bán phần chất lượng cao đợt tháng 10 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGÂN HÀNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Nghị quyết số 159/NQ-ĐHNH-HĐT, ngày 16/9/2024 của Chủ tịch Hội đồng trường về việc ban hành “Quy chế chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc, trực thuộc Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh”;

Căn cứ Quyết định số 1577/QĐ-ĐHNH, ngày 31/8/2021 của Hiệu trưởng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy chế quản lý học vụ đào tạo chất lượng cao trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh được ban hành theo Quyết định số 2134A/QĐ-ĐHNH ngày 02/10/2017;

Căn cứ Quyết định số 466/QĐ-ĐHNH, ngày 28/02/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và quản lý đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1070/QĐ-ĐHNH, ngày 24/04/2024 của Hiệu trưởng về việc ban hành Quy chế tổ chức và triển khai thực hiện chương trình đào tạo chất lượng cao, tiếng Anh bán phần, chương trình đào tạo đặc biệt trình độ đại học tại Trường Đại học Ngân hàng Tp. Hồ Chí Minh;

Căn cứ Biên bản Hội đồng họp xét tốt nghiệp số 1413/BB-ĐHNH, ngày 29/10/2024 và Tờ trình số 373/TTr-ĐHNH-PQLĐT ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công nhận tốt nghiệp cho 135 sinh viên hệ đại học chính quy tiếng Anh bán phần (CLC) đợt tháng 10 năm 2024.

(Danh sách đính kèm)

Điều 2. Các sinh viên có tên ở Điều 1 được cấp bằng tốt nghiệp và được hưởng mọi quyền lợi theo quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn Phòng, Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo, các đơn vị liên quan và sinh viên có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- CT.HĐT, BGH (để báo cáo);
- Như Điều 3;
- Phòng TVTS & PTTT (để đăng tin);
- Lưu VP, PQLĐT, Ban CLC.

HIỆU TRƯỞNG 

PGS.TS. Nguyễn Đức Trung



DANH SÁCH SINH VIÊN ĐẠI HỌC CHÍNH QUY TIẾNG ANH BẢN PHẦN CHẤT LƯỢNG CAO
ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐỢT THÁNG 10 NĂM 2024
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3789/QĐ-ĐHNH, ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Hiệu trưởng)

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Chuyên ngành	Xếp loại	Khóa
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC			
1	030805170150	Trần Thị	Thu	01/09/1999	Nữ	HQ5-GE07	7.24	2.90	129	Kế toán	Khá	K5
2	030805170210	Lê Thị Thanh	Hằng	24/10/1999	Nữ	HQ5-GE06	7.07	2.83	129	Quản trị kinh doanh	Khá	K5
3	030805170378	Đoàn Trần	Vy	15/05/1999	Nữ	HQ5-GE06	7.11	2.84	129	Quản trị kinh doanh	Khá	K5
4	030633170890	Lê Công	Thạnh	23/02/1999	Nam	HQ5-GE10	6.89	2.76	129	Quản trị kinh doanh	Khá	K5
5	030805170370	Phùng Đức	Vinh	18/04/1999	Nam	HQ5-GE10	6.95	2.78	129	Quản trị kinh doanh	Khá	K5
6	030805170301	Nguyễn Đông	Duy	03/02/1995	Nam	HQ5-GE01	6.83	2.73	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K5
7	050606180199	Huỳnh Hữu	Lợi	02/05/2000	Nam	HQ6-GE07	7.31	2.92	129	Kế toán	Khá	K6
8	050606180323	Dương Thị Minh	Tâm	12/11/2000	Nữ	HQ6-GE07	8.14	3.25	129	Kế toán	Giỏi	K6
9	050606180169	Châu Huỳnh Ngọc	Lam	07/09/2000	Nữ	HQ6-GE02	7.62	3.05	129	Quản trị kinh doanh	Khá	K6
10	050606180278	Nguyễn Thị Thảo	Nhi	12/01/2000	Nữ	HQ6-GE03	7.77	3.11	129	Quản trị kinh doanh	Khá	K6
11	050606180108	Phạm Thế	Hiển	01/11/2000	Nam	HQ6-GE08	7.48	2.99	129	Quản trị kinh doanh	Khá	K6
12	050606180155	Dương Bảo	Khang	27/07/2000	Nam	HQ6-GE08	6.82	2.73	129	Quản trị kinh doanh	Khá	K6
13	050606180325	Phạm Minh	Tâm	29/04/2000	Nam	HQ6-GE08	7.51	3.00	129	Quản trị kinh doanh	Khá	K6
14	050606180292	Đinh Huyền	Oanh	18/03/2000	Nữ	HQ6-GE09	7.55	3.02	129	Quản trị kinh doanh	Khá	K6
15	050606180467	Nguyễn Thị Lam	Xuân	08/10/2000	Nữ	HQ6-GE09	7.46	2.98	129	Quản trị kinh doanh	Khá	K6
16	050606180471	Ngô Huỳnh Hải	Yến	14/08/2000	Nữ	HQ6-GE06	7.02	2.81	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K6
17	050606180171	Lê Hoài	Lâm	09/01/2000	Nam	HQ6-GE10	6.29	2.52	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K6
18	050606180059	Đặng Thùy	Dung	03/09/2000	Nữ	HQ6-GE11	7.23	2.89	129	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K6
19	050607190195	Dương Lê	Khanh	23/02/2001	Nữ	HQ7-GE01	7.86	3.14	130	Kế toán	Khá	K7
20	050607190153	Nguyễn Thị Thu	Hiển	08/09/2001	Nữ	HQ7-GE08	7.85	3.14	130	Kế toán	Khá	K7

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Chuyên ngành	Xếp loại	Khóa
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC			
21	050607190306	Hồ Thị Hồng	Ngọc	26/08/2001	Nữ	HQ7-GE09	7.88	3.15	130	Kế toán	Khá	K7
22	050607190310	Nguyễn Thị Thanh	Ngọc	12/09/2001	Nữ	HQ7-GE02	7.96	3.18	130	Quản trị kinh doanh	Khá	K7
23	050607190410	Vũ Thị Hạnh	Phương	01/04/2001	Nữ	HQ7-GE02	7.82	3.13	130	Quản trị kinh doanh	Khá	K7
24	050607190014	Hoàng Nguyễn Minh	Anh	07/01/2001	Nữ	HQ7-GE10	8.37	3.35	130	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K7
25	050607190652	Nguyễn Ngọc Tường	Vy	10/01/2001	Nữ	HQ7-GE10	8.25	3.30	130	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K7
26	050607190576	Đỗ Thị Cẩm	Trinh	11/10/2001	Nữ	HQ7-GE11	7.96	3.18	130	Quản trị kinh doanh	Khá	K7
27	050607190245	Nguyễn Tấn	Lộc	17/02/2001	Nam	HQ7-GE12	7.47	2.99	130	Quản trị kinh doanh	Khá	K7
28	050607190595	Nguyễn Quốc	Trung	20/12/2001	Nam	HQ7-GE12	7.33	2.93	130	Quản trị kinh doanh	Khá	K7
29	050607190109	Nguyễn Hải	Đăng	05/01/2001	Nam	HQ7-GE04	7.96	3.19	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7
30	030535190009	Nguyễn Phúc Minh	Anh	01/10/2001	Nữ	HQ7-GE05	7.99	3.19	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7
31	050607190590	Đàm Thị Thanh	Trúc	18/10/2001	Nữ	HQ7-GE06	7.95	3.18	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7
32	050607190371	Trần Huỳnh Thảo	Như	03/03/2001	Nữ	HQ7-GE14	8.22	3.29	130	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K7
33	050607190386	Huỳnh Trọng	Phú	02/03/2001	Nam	HQ7-GE14	7.59	3.04	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7
34	050607190415	Nguyễn Đông	Quân	01/01/2001	Nam	HQ7-GE14	7.47	2.99	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7
35	050607190555	Nguyễn Thị Thảo	Trang	04/04/2001	Nữ	HQ7-GE14	8.11	3.24	130	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K7
36	050607190690	Lê Hoàng	Tú	09/02/2001	Nữ	HQ7-GE15	7.30	2.92	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7
37	030135190734	Chu Vũ Xuân	Vy	12/02/2001	Nữ	HQ7-GE16	7.97	3.19	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7
38	050607190369	Lê Nguyễn Quỳnh	Như	13/09/2001	Nữ	HQ7-GE16	8.03	3.21	130	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K7
39	030135190102	Võ Thái Bạch	Dương	17/04/2001	Nữ	HQ7-GE17	8.00	3.20	130	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K7
40	050607190458	Nguyễn Lê Kim	Thanh	24/02/2001	Nữ	HQ7-GE18	8.54	3.41	130	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K7
41	050607190545	Cao Thị Thùy	Trang	30/09/2001	Nữ	HQ7-GE18	7.48	2.99	130	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K7
42	050608200337	Lê Nguyễn Thùy	Hân	17/12/2002	Nữ	HQ8-GE01	8.15	3.26	123	Kế toán	Giỏi	K8
43	050608200323	Tô Thị Mỹ	Hạnh	10/02/2002	Nữ	HQ8-GE01	8.64	3.46	123	Kế toán	Giỏi	K8
44	050608200383	Nguyễn Thúc	Kiên	06/08/2002	Nam	HQ8-GE01	7.75	3.10	123	Kế toán	Khá	K8

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Chuyên ngành	Xếp loại	Khóa
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC			
45	050608200421	Nguyễn Vũ Ánh	Linh	16/07/2002	Nữ	HQ8-GE01	7.84	3.14	123	Kế toán	Khá	K8
46	030536200127	Lưu Bích	Ngọc	15/08/2002	Nữ	HQ8-GE01	8.53	3.41	123	Kế toán	Giỏi	K8
47	050608200272	Ngô Nguyễn Thị Ngọc	Diệp	16/05/2002	Nữ	HQ8-GE09	7.81	3.12	123	Kế toán	Khá	K8
48	050608200266	Lê Quỳnh	Chi	18/09/2002	Nữ	HQ8-GE10	8.17	3.27	123	Kế toán	Giỏi	K8
49	030536200031	Trần Tùng	Đặng	08/04/2002	Nam	HQ8-GE10	8.74	3.49	123	Kế toán	Giỏi	K8
50	050608200286	Lê Mỹ	Duyên	14/10/2002	Nữ	HQ8-GE10	8.34	3.33	123	Kế toán	Giỏi	K8
51	050608200709	Nguyễn Ngọc Anh	Thy	07/11/2002	Nữ	HQ8-GE10	8.68	3.47	123	Kế toán	Giỏi	K8
52	050608200056	Nguyễn Thị Phương	Hạnh	08/02/2002	Nữ	HQ8-GE02	7.88	3.15	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8
53	050608200354	Nguyễn Thái	Hòa	17/05/2002	Nam	HQ8-GE02	8.10	3.24	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8
54	030336200138	Đặng Huỳnh Thanh	Long	26/05/2002	Nam	HQ8-GE02	8.58	3.43	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8
55	050608200491	Nguyễn Minh	Ngọc	21/06/2002	Nữ	HQ8-GE02	8.36	3.34	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8
56	050608200530	Trương Bảo	Nhi	12/01/2002	Nữ	HQ8-GE02	8.08	3.23	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8
57	030336200224	Đinh Thị Như	Quỳnh	09/02/2002	Nữ	HQ8-GE02	8.29	3.31	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8
58	050608200181	Nguyễn Thị Thanh	Trúc	14/02/2002	Nữ	HQ8-GE02	7.92	3.17	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8
59	050608200757	Trần Phương	Uyên	28/02/2002	Nữ	HQ8-GE02	7.68	3.07	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8
60	050608200418	Nguyễn Khánh	Linh	01/10/2002	Nữ	HQ8-GE03	7.77	3.11	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8
61	050608200519	Ngô Hoàng Yến	Nhi	12/09/2002	Nữ	HQ8-GE03	8.39	3.36	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8
62	050608200529	Trần Ngọc Uyên	Nhi	30/07/2002	Nữ	HQ8-GE03	8.28	3.31	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8
63	050608200561	Nguyễn Khoa Phương	Phi	17/10/2002	Nam	HQ8-GE03	8.16	3.27	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8
64	050608200302	Nguyễn Tiến	Đạt	01/04/2002	Nam	HQ8-GE11	7.88	3.15	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8
65	050608200073	Võ Hồng	Khánh	29/11/2002	Nữ	HQ8-GE11	8.23	3.29	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8
66	030336200146	Võ Phạm Minh	Mẫn	22/01/2002	Nam	HQ8-GE11	7.16	2.86	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8
67	050608200509	Trần Quốc	Nhân	01/04/2002	Nam	HQ8-GE11	7.66	3.07	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8
68	050608200595	Lê Nguyễn Xuân	Quỳnh	08/01/2002	Nữ	HQ8-GE11	8.28	3.31	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Chuyên ngành	Xếp loại	Khóa
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC			
69	050608200665	Đới Nguyễn Hoàn	Thiện	01/12/2001	Nam	HQ8-GE11	6.71	2.68	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8
70	050608200727	Ngô Thị Ngọc	Trâm	15/02/2002	Nữ	HQ8-GE11	8.14	3.26	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8
71	050608200742	Trần Mai	Trinh	10/01/2002	Nữ	HQ8-GE11	8.00	3.20	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8
72	050608200745	Lê Thị Thanh	Trúc	09/04/2002	Nữ	HQ8-GE11	7.88	3.15	123	Quản trị kinh doanh	Khá	K8
73	050608200284	Bùi Hà Mỹ	Duyên	23/08/2002	Nữ	HQ8-GE12	8.32	3.33	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8
74	050608200086	Tăng Kim	Lợi	30/08/2002	Nữ	HQ8-GE12	8.67	3.47	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8
75	050608200034	Lê Thị Mỹ	Dung	12/09/2002	Nữ	HQ8-GE13	8.05	3.22	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8
76	050608200293	Đặng Thùy	Dương	17/10/2002	Nữ	HQ8-GE13	8.19	3.28	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8
77	050608200454	Nguyễn Hoài Gia	Mỹ	13/10/2002	Nữ	HQ8-GE13	8.27	3.31	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8
78	050608200812	Nguyễn Thị Thu	Thủy	21/11/2002	Nữ	HQ8-GE13	8.07	3.23	123	Quản trị kinh doanh	Giỏi	K8
79	050608200577	Võ Hoàng Thảo	Phương	16/02/2001	Nữ	HQ8-GE04	7.21	2.88	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
80	050608200675	Đặng Bảo Minh	Thuận	15/02/2002	Nam	HQ8-GE04	8.28	3.31	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
81	050608200681	Đỗ Hoàng Thu	Thủy	04/03/2002	Nữ	HQ8-GE04	7.61	3.04	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
82	050608200189	Lê Minh Khánh	Uyên	01/01/2002	Nữ	HQ8-GE04	8.03	3.21	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
83	050608200201	Nguyễn Thanh	Xuân	13/02/2002	Nữ	HQ8-GE04	7.80	3.12	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
84	050608200331	Nguyễn Phạm Thuận	Hằng	10/04/2002	Nữ	HQ8-GE05	8.20	3.28	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
85	050608200568	Ngô Thị Kim	Phước	10/04/2002	Nữ	HQ8-GE05	8.92	3.57	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
86	050608200040	Nguyễn Quỳnh Hương	Giang	31/07/2002	Nữ	HQ8-GE06	8.13	3.25	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
87	030136200197	Đinh Thị Mai	Hoa	05/07/2002	Nữ	HQ8-GE06	8.26	3.31	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
88	050608200752	Đinh Trần Cẩm	Uyên	10/08/2002	Nữ	HQ8-GE06	8.33	3.33	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
89	050608200345	Cao Thu	Hiền	28/09/2002	Nữ	HQ8-GE07	7.10	2.84	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
90	050608200356	Nguyễn Thị Thu	Hoài	26/08/2002	Nữ	HQ8-GE07	8.25	3.30	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
91	050608200070	Nguyễn Thị Thanh	Huyền	13/09/2002	Nữ	HQ8-GE07	7.77	3.11	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
92	050608200428	Vũ Trần Thanh	Loan	02/09/2002	Nữ	HQ8-GE07	8.39	3.35	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Chuyên ngành	Xếp loại	Khóa
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC			
93	050608200628	Phạm Minh	Tú	03/09/2002	Nữ	HQ8-GE07	8.11	3.24	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
94	050608200238	Nguyễn Thị Lan	Anh	16/12/2002	Nữ	HQ8-GE08	7.71	3.08	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
95	050608200535	Vương Bích	Nhi	24/10/2002	Nữ	HQ8-GE08	7.72	3.09	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
96	050608200147	Lâm Hoàng	Thiện	14/11/2002	Nam	HQ8-GE08	8.21	3.28	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
97	050608200234	Nguyễn Nữ Quỳnh	Anh	27/01/2002	Nữ	HQ8-GE14	8.45	3.38	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
98	050608200283	Vũ Ngọc	Duy	24/01/2002	Nam	HQ8-GE14	7.44	2.98	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
99	050608200254	Mai Thị Kim	Cúc	21/02/2002	Nữ	HQ8-GE15	7.70	3.08	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
100	050608200363	Huỳnh Nguyễn Phi	Hùng	08/02/2002	Nam	HQ8-GE15	7.59	3.04	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
101	050608200083	Đào Thị Bích	Liên	01/03/2002	Nữ	HQ8-GE15	7.67	3.07	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
102	050608200679	Phan Thị Bích	Thùy	01/03/2002	Nữ	HQ8-GE15	8.40	3.36	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
103	050608200634	Nguyễn Ngọc Như	Tuyền	11/02/2002	Nữ	HQ8-GE15	7.61	3.04	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
104	050608200789	Trần Phương	Vy	10/02/2002	Nữ	HQ8-GE15	7.55	3.02	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
105	050608200350	Nguyễn Thị Minh	Hiếu	24/04/2002	Nữ	HQ8-GE16	8.21	3.28	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
106	050608200510	La Tiến	Nhật	07/04/2002	Nam	HQ8-GE16	8.23	3.29	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
107	050608200613	Võ Hồng	Tâm	05/04/2002	Nữ	HQ8-GE16	8.23	3.29	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
108	050608200151	Đoàn Kim	Thoa	25/05/2002	Nữ	HQ8-GE16	8.29	3.31	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
109	050608200700	Phan Trần Anh	Thư	14/04/2002	Nữ	HQ8-GE16	8.59	3.44	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
110	050608200187	Phạm Ánh	Tuyết	26/03/2002	Nữ	HQ8-GE16	8.16	3.26	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
111	050608200299	Bùi Tuấn	Đạt	19/07/2002	Nam	HQ8-GE17	7.27	2.91	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
112	050608200312	Nguyễn Quỳnh	Giang	09/08/2002	Nữ	HQ8-GE17	7.78	3.11	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
113	050608200357	Vũ Đức	Hoàn	28/09/2002	Nam	HQ8-GE17	7.45	2.98	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
114	050608200102	Nguyễn Ngọc	Ngân	30/09/2002	Nữ	HQ8-GE17	8.67	3.47	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
115	050608200464	Lê Ngọc Kim	Ngân	12/08/2002	Nữ	HQ8-GE17	8.21	3.28	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
116	050608200468	Nguyễn Phan Bảo	Ngân	13/07/2002	Nữ	HQ8-GE17	7.49	3.00	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8

STT	Mã SV	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Thuộc lớp	Kết quả học tập toàn khóa			Chuyên ngành	Xếp loại	Khóa
							Hệ 10	Hệ 4	SỐ TC			
117	050608200513	Bùi Thị Uyên	Nhi	03/10/2002	Nữ	HQ8-GE18	7.77	3.11	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
118	050608200543	Lê Đỗ Quỳnh	Như	25/08/2002	Nữ	HQ8-GE18	8.28	3.31	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
119	050608200141	Mã Đức	Thắng	18/07/2002	Nam	HQ8-GE18	8.26	3.30	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
120	050608200661	Đặng Anh	Thi	12/09/2002	Nữ	HQ8-GE18	7.91	3.16	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
121	050608200688	Hà Anh	Thư	08/09/2002	Nữ	HQ8-GE18	7.74	3.10	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
122	050608200164	Võ Ngọc Mỹ	Tiên	12/09/2002	Nữ	HQ8-GE18	7.93	3.17	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
123	030336200242	Nguyễn Thái	Tuấn	14/08/2002	Nam	HQ8-GE18	7.32	2.93	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
124	050608200129	Nguyễn Quỳnh	Như	12/10/2002	Nữ	HQ8-GE19	8.50	3.40	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
125	050608200594	Huỳnh Ngọc Diễm	Quỳnh	05/10/2002	Nữ	HQ8-GE19	8.31	3.32	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
126	050608200168	Nguyễn Thị Kiều	Trâm	21/10/2002	Nữ	HQ8-GE19	8.16	3.26	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
127	050608200733	Trần Phạm Yến	Trâm	09/10/2002	Nữ	HQ8-GE19	8.18	3.27	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
128	050608200019	Trịnh Lê Tuyết	Anh	20/12/2002	Nữ	HQ8-GE20	8.64	3.46	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
129	050608200020	Trương Nguyễn Lan	Anh	18/11/2002	Nữ	HQ8-GE20	7.93	3.17	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
130	050608200370	Nguyễn Ngọc	Huy	27/11/2002	Nam	HQ8-GE20	7.92	3.17	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
131	050608200406	Phùng Thị Hương	Lan	30/12/2002	Nữ	HQ8-GE20	7.92	3.17	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
132	050608200423	Phạm Huyền Khánh	Linh	20/12/2002	Nữ	HQ8-GE20	8.59	3.44	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
133	050608200089	Nguyễn Thị	Mai	20/11/2002	Nữ	HQ8-GE20	7.51	3.00	123	Tài chính - Ngân hàng	Khá	K8
134	050608200135	Cao Thị Như	Quỳnh	02/12/2002	Nữ	HQ8-GE20	8.01	3.21	123	Tài chính - Ngân hàng	Giỏi	K8
135	050608200626	Lê Đoàn Tuấn	Tú	14/11/2002	Nam	HQ8-GE20	9.03	3.61	123	Tài chính - Ngân hàng	Xuất sắc	K8

Tổng cộng: 135 sinh viên ✓



Handwritten signature